

cụm tuyến dân cư vùng thường xuyên ngập lũ khu vực đồng bằng sông Cửu Long và yêu cầu xây dựng các công trình trên các cụm tuyến, cơ quan chuyên môn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đầu tư xây dựng các cụm tuyến dân cư yêu cầu các tổ chức Tư vấn xác định hệ số đầm nén cụ thể cho từng cụm, tuyến trong hồ sơ thiết kế nhưng không được thấp hơn 0,85 ($K \geq 0,85$).

IV. VỀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CỤM TUYẾN DÂN CƯ SAU ĐẦU TƯ

Cụm, tuyến dân cư là những điểm dân cư nông thôn được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội bảo đảm yêu cầu sinh sống an toàn ổn định của các hộ dân cư, vì vậy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần ban hành quy định quản lý cụm tuyến làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã, ấp tổ chức quản lý nhằm góp phần bảo đảm an toàn, bảo vệ môi sinh, môi trường, thực hiện các quy định về nếp sống văn hóa, văn minh của cộng đồng dân cư. Huy động phong trào quần chúng trồng cây chắn sóng bảo vệ cụm, tuyến dân cư và bờ bao đồng thời cải thiện môi trường các cụm tuyến dân cư.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Xây

dựng để hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Hồng Quân

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Y tế số **2331/2004/QĐ-BYT** ngày **06/7/2004** về việc ban hành Quy trình kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 41/1998/NĐ-CP ngày 11/6/1998 của Chính phủ ban hành Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 2528/TCHQ-PC ngày 02/6/2004, Bộ Giao thông vận tải

tại Công văn số 2720/GTVT-PC ngày 02/6/2004, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1238/BNN-PC ngày 02/6/2004, Bộ Công an tại Công văn số 1030/CV-BCA(V11) ngày 23/6/2004 và Bộ Quốc phòng tại Công văn số 758/QY-8 ngày 28/5/2004;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng các tỉnh có hoạt động kiểm dịch y tế, Giám đốc Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Trần Thị Trung Chiến

QUY TRÌNH kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(ban hành kèm theo Quyết định số 2331/2004/QĐ-BYT ngày 06/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng kiểm dịch y tế

Mọi người, mọi phương tiện vận tải và những vật thể có khả năng mang bệnh, truyền bệnh từ vùng đang có hoặc lưu hành bệnh phải kiểm dịch quốc tế (bệnh tả, bệnh dịch hạch, bệnh sốt vàng) và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh do Bộ Y tế quy định (sau đây được gọi là bệnh phải kiểm dịch y tế) khi nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu đều phải chịu sự giám sát, kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tại các cửa khẩu.

2. Nguyên tắc kiểm dịch y tế

2.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế cho đối tượng kiểm dịch y tế khi: ở đối tượng này đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn vệ sinh thực phẩm, không phát hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế.

2.2. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế

cho đối tượng kiểm dịch y tế sau khi xử lý y tế khi: ở đối tượng này không đạt tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm, phát hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế.

3. Vị trí kiểm dịch y tế

Để tạo điều kiện cho việc ngăn chặn dịch bệnh nguy hiểm từ nước ngoài vào, vị trí kiểm dịch y tế phải đảm bảo nguyên tắc: kiểm dịch y tế là lực lượng đầu tiên tiếp xúc, kiểm tra y tế đối với các đối tượng nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu.

4. Biện pháp kiểm dịch y tế bổ sung

Trong trường hợp có các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh, Bộ Y tế sẽ quy định các biện pháp kiểm dịch y tế bổ sung.

5. Trang thiết bị kiểm dịch y tế

Tất cả các cơ quan kiểm dịch y tế tại cửa khẩu phải được trang bị các trang thiết bị, phương tiện, thuốc và hóa chất thiết yếu để có thể thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm dịch y tế theo quy định của Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Quan hệ phối hợp giữa cơ quan kiểm dịch y tế với các cơ quan chuyên ngành khác tại cửa khẩu

6.1. Cơ quan kiểm dịch y tế là cơ quan quản lý chuyên ngành, thực hiện chức

năng kiểm dịch y tế biên giới theo quy định của Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6.2. Cơ quan kiểm dịch y tế chịu sự giám sát, kiểm tra của Ban quản lý cửa khẩu, chấp hành các quy định của Quy chế quản lý cửa khẩu.

6.3. Khi tiến hành kiểm dịch y tế mà cần có sự phối hợp liên ngành, cơ quan kiểm dịch y tế phải chủ động đề xuất với các đơn vị có liên quan tại cửa khẩu để phối hợp cùng thực hiện nhiệm vụ, tránh chồng chéo và gây trở ngại cho đối tượng kiểm dịch y tế.

6.4. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu để có các số liệu, các thông tin liên quan đến y tế giúp cho việc giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng mang mầm bệnh, mang bệnh phải kiểm dịch y tế.

II. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH Y TẾ ĐƯỜNG KHÔNG

1. Đối với hành khách và tàu bay

1.1. Trước khi tàu bay hạ cánh

Cơ quan kiểm dịch y tế nắm các thông tin tại Cụm cảng hàng không về thời gian tàu bay hạ cánh, lịch trình của các chuyến bay trong ngày, thông tin đột

xuất về tình trạng sức khỏe của hành khách và phi hành đoàn trên chuyến bay để bố trí nhân lực kiểm dịch y tế.

1.2. Khi tàu bay hạ cánh

1.2.1. Một kiểm dịch viên y tế có mặt tại cửa tàu bay, kiểm tra tờ khai chung (General Declaration) do Tiếp viên trưởng chuyến bay cung cấp, nắm thông tin sơ bộ qua Tiếp viên trưởng về tình hình sức khỏe của hành khách trên chuyến bay. Sau khi hành khách rời khỏi tàu bay, kiểm dịch viên y tế lên tàu bay để kiểm tra khoang chứa hành lý, dụng cụ chứa đựng thức ăn, nước uống phục vụ hành khách, khu vệ sinh, khoang hành khách về vệ sinh, các dấu hiệu biểu hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế. Nếu phát hiện các dấu hiệu không đảm bảo vệ sinh, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nước phục vụ trên tàu bay, phát hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, thì kiểm dịch viên y tế yêu cầu chủ phương tiện thực hiện các biện pháp xử lý y tế theo quy định mới được đưa phương tiện vào sử dụng.

1.2.2. Một hoặc hai kiểm dịch viên y tế quan sát thể trạng hành khách đi từ máy bay vào khu vực làm thủ tục nhập cảnh, nếu phát hiện người nghi ngờ bị ốm thì đưa người đó vào phòng cách ly y tế tại sân bay để khám bệnh.

1.2.3. Một kiểm dịch viên y tế là bác sỹ

lâm sàng trực tại phòng cách ly y tế ở sân bay để khám bệnh cho các đối tượng nghi ngờ bị ốm được chuyển đến. Sau khi khám sức khỏe cho đối tượng bị nghi ngờ mà phát hiện có người mắc bệnh phải kiểm dịch y tế (được gọi là bệnh nhân) thì kiểm dịch viên y tế thông báo cho người phụ trách nhóm trực để tổ chức thực hiện các công việc sau:

a) Chuyển bệnh nhân đến khu vực điều trị cách ly bằng phương tiện ô tô chuyên dụng để theo dõi, điều trị.

b) Lập danh sách tất cả hành khách và phi hành đoàn đi cùng chuyến bay có bệnh nhân với đầy đủ các thông tin chi tiết về tên, tuổi, quốc tịch, lịch trình, địa chỉ nơi đến, số điện thoại, và yêu cầu các hành khách chấp hành việc theo dõi, giám sát của y tế tại nơi đến.

c) Gửi danh sách trên về Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS.

d) Đối với tàu bay mà trên chuyến bay có bệnh nhân, yêu cầu chủ phương tiện thực hiện các biện pháp xử lý y tế theo quy định mới được đưa phương tiện vào sử dụng.

1.2.4. Một đến hai kiểm dịch viên y tế thường trực tại sân bay để tiến hành diệt côn trùng, diệt khuẩn và thực hiện các biện pháp xử lý y tế khác khi có chỉ định.

2. Đối với thi hài, hài cốt, tro cốt

2.1. Nhập cảnh

2.1.1. Đối với thi hài:

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra “tờ khai kiểm dịch y tế thi hài, tro, hài cốt” theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 171/2003/QĐ-BYT ngày 13/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định phù hiệu, trang phục, cờ, thẻ kiểm dịch viên y tế và 11 mẫu giấy dùng trong hệ thống kiểm dịch y tế biên giới của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiểm tra giấy chứng tử, giấy chứng nhận kiểm dịch y tế của nước sở tại, kiểm tra thực tế tình trạng quan tài để xác định và xử lý như sau:

a) Thi hài người chết do mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch thì phải hỏa táng hoặc chôn, nếu quan tài bị nứt vỡ thì phải xử lý tại chỗ để đảm bảo không làm lây lan bệnh rồi mới vận chuyển đến nơi hỏa táng hoặc chôn. Việc vận chuyển thi hài đến nơi hỏa táng hoặc chôn thực hiện như sau:

- Khử trùng quan tài và khu vực để quan tài bằng hóa chất trước khi vận chuyển đến nơi hỏa táng hoặc chôn, vận chuyển bằng xe ô tô chuyên dụng, nếu không có, có thể sử dụng xe khác nhưng phải đảm bảo xe phải kín, đảm bảo quy định phòng lây nhiễm, lái xe được trang bị bảo hộ theo quy định, phương tiện vận chuyển được tẩy uế, khử trùng trước và

ngay sau khi vận chuyển thi hài bằng chất sát khuẩn thông thường.

- Khi đến nơi hỏa táng hoặc chôn, để nguyên quan tài và tiến hành hỏa táng hoặc chôn, nếu chôn thì xung quanh quan tài được khử trùng bằng hóa chất Chloramin B, T hoặc bằng vôi bột trước khi lấp đất. Người thực hiện khâm liệm phải mang đầy đủ phương tiện phòng hộ y tế.

b) Thi hài người chết không phải do bệnh truyền nhiễm gây dịch thì kiểm tra quy cách bảo quản thi hài, nếu đảm bảo quy cách (thi hài được khâm liệm bằng quan tài 3 lớp, lớp trong bằng kẽm có lót chất hút ẩm, lớp giữa bằng gỗ, lớp ngoài bằng ván ép) thì cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế cho phép nhập cảnh, nếu không đảm bảo quy cách, yêu cầu người chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế nhập cảnh.

2.1.2. Đối với hài cốt, tro cốt:

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra “tờ khai kiểm dịch y tế thi hài, tro, hài cốt”, giấy chứng nhận kiểm dịch y tế của nước sở tại, kiểm tra thực tế quy cách bảo quản (hài cốt được bọc trong cùng là 2 lớp nilon, đến lớp túi vải và ngoài cùng là quách, tro cốt được bảo quản trong bình kín). Sau khi kiểm tra có đủ tài liệu, đảm bảo quy cách bảo quản theo quy định nêu trên thì cơ quan kiểm dịch y tế biên

giới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế cho phép nhập cảnh, nếu không đảm bảo quy cách thì yêu cầu người chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế nhập cảnh.

2.2. Xuất cảnh

2.2.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới không làm thủ tục xuất cảnh đối với thi hài của người chết do mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch.

2.2.2. Đối với thi hài của người chết do nguyên nhân khác, hài cốt và tro cốt, sau khi kiểm tra quy cách bảo quản đúng theo quy định thì cơ quan kiểm dịch y tế biên giới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế xuất cảnh.

III. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH Y TẾ ĐƯỜNG BỘ

1. Tại khu vực nhập cảnh

1.1. Bố trí nhân lực

Tùy theo tình hình thực tế tại cửa khẩu, bố trí số lượng kiểm dịch viên y tế để đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng kiểm dịch y tế theo quy định của Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Tại cửa phương tiện nhập cảnh

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra “tờ khai

kiểm dịch y tế phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh”, có thể hỏi chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện để nắm thông tin khi cần thiết để xác định và xử lý như sau:

1.2.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tiến hành các biện pháp nêu dưới đây khi phương tiện vận tải đi từ vùng lưu hành hoặc đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế, hoặc có dấu hiệu nghi ngờ có bệnh phải kiểm dịch y tế, có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, không đảm bảo vệ sinh:

a) Hướng dẫn chủ phương tiện đưa phương tiện vận tải đến khu vực quy định để thực hiện các biện pháp kiểm dịch y tế.

b) Trực tiếp lên phương tiện vận tải để kiểm tra, nếu không đảm bảo vệ sinh, phát hiện có các dấu hiệu có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế thì cơ quan kiểm dịch y tế biên giới sau khi thực hiện các biện pháp xử lý y tế, mới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế và làm thủ tục nhập cảnh tiếp theo.

1.2.2. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế nhập cảnh khi phương tiện vận tải không đi từ vùng lưu hành hoặc đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế, không có các dấu hiệu nghi ngờ có bệnh phải kiểm dịch y tế, không có véc tơ truyền bệnh, đảm bảo vệ sinh.

1.3. Tại cửa hành khách nhập cảnh

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra sổ chứng nhận tiêm chủng (theo quy định của Bộ Y tế), quan sát thể trạng hành khách nhập cảnh, nếu có dấu hiệu nghi ngờ ốm thì kiểm dịch viên y tế đưa bệnh nhân vào phòng cách ly y tế tại cửa khẩu để khám bệnh.

1.4. Biện pháp xử lý đối với bệnh nhân, phương tiện và người đi cùng phương tiện với bệnh nhân

Một kiểm dịch viên y tế là bác sĩ lâm sàng trực tại phòng cách ly y tế tại cửa khẩu để khám bệnh cho người bị nghi ngờ ốm, nếu phát hiện người ốm mắc bệnh phải kiểm dịch y tế thì thông báo cho người phụ trách nhóm trực biết để thực hiện tiếp các nội dung sau:

1.4.1. Chuyển bệnh nhân đến khu vực điều trị cách ly bằng phương tiện ô tô chuyên dụng để theo dõi, điều trị.

1.4.2. Lập danh sách có đầy đủ các thông tin chi tiết về tên, tuổi, quốc tịch, lịch trình, địa chỉ nơi đến, số điện thoại của người đi cùng phương tiện vận tải với bệnh nhân, và yêu cầu hành khách chấp hành việc theo dõi, giám sát của y tế nơi đến.

1.4.3. Gửi danh sách trên về Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS.

1.4.4. Thực hiện các biện pháp xử lý y tế phương tiện chở bệnh nhân theo quy

định mới được đưa phương tiện vào sử dụng.

2. Tại khu vực xuất cảnh

Kiểm dịch viên y tế quan sát thể trạng hành khách để phát hiện người nghi ngờ bị ốm. Khi phát hiện có đối tượng nghi ngờ bị ốm, kiểm dịch viên y tế đưa đối tượng nghi ngờ đến phòng cách ly y tế tại cửa khẩu để khám và chẩn đoán, nếu đối tượng mắc bệnh kiểm dịch y tế thì không cho xuất cảnh và chuyển bệnh nhân đến khu vực điều trị quy định, đồng thời báo cáo bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất về Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS các thông tin chi tiết về bệnh nhân.

3. Đối với thi hài, hài cốt, tro cốt

3.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh đối với thi hài người chết do các bệnh truyền nhiễm gây dịch.

3.2. Đối với thi hài người chết do nguyên nhân khác và hài cốt, tro cốt thì cơ quan kiểm dịch y tế biên giới thực hiện quy trình kiểm dịch y tế như đối với kiểm dịch y tế đường không.

IV. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH Y TẾ ĐƯỜNG SẮT

1. Tại khu vực nhập cảnh

1.1. Bố trí nhân lực

Cơ quan kiểm dịch y tế liên hệ với trưởng ga để nắm các thông tin về thời gian tàu đến, lịch trình của tàu để chủ động bố trí số lượng kiểm dịch viên y tế đảm bảo thực hiện các nội dung kiểm dịch y tế.

1.2. Quy trình thực hiện đối với phương tiện

Kiểm dịch viên y tế tiến hành kiểm tra “tờ khai kiểm dịch y tế xuất cảnh, nhập cảnh đối với tàu hỏa” và hỏi trưởng tàu để bổ sung những thông tin cần thiết khi tàu hỏa dừng lại ở điểm dừng đầu tiên thuộc lãnh thổ Việt Nam để xác định và xử lý như sau:

1.2.1. Đối với tàu hỏa chở khách, kiểm dịch viên y tế lên tàu kiểm tra. Khi phát hiện dấu hiệu không đảm bảo vệ sinh, có các dấu hiệu biểu hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, kiểm dịch viên y tế tiến hành xử lý y tế rồi mới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế.

1.2.2. Đối với tàu hỏa chở hàng đi từ vùng lưu hành hoặc đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế hoặc có các dấu hiệu biểu hiện có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế thì kiểm dịch viên y tế thực hiện quy trình kiểm dịch như đối với kiểm dịch y tế tàu hỏa chở khách. Đối với tàu hỏa chở hàng không đi từ vùng lưu hành hoặc đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế, kiểm dịch viên y tế cấp giấy chứng nhận kiểm dịch mà không cần lên tàu kiểm tra.

1.3. Biện pháp xử lý đối với bệnh nhân, phương tiện và người đi cùng phương tiện với bệnh nhân

Biện pháp xử lý đối với bệnh nhân, phương tiện và người đi cùng phương tiện với bệnh nhân được thực hiện theo quy định tại Mục III khoản 1 điểm 1.4. của Bản quy trình này

2. Tại khu vực xuất

Quy trình kiểm dịch y tế được thực hiện theo quy định tại Mục III khoản 2 của Bản quy trình này.

3. Đối với thi hài, hài cốt, tro cốt

Quy trình kiểm dịch y tế được thực hiện theo quy định tại Mục III khoản 3 của Bản quy trình này.

V. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH Y TẾ ĐƯỜNG THỦY

1. Bố trí nhân lực

Cơ quan kiểm dịch y tế liên hệ với cơ quan cảng vụ để nắm các thông tin về thời gian tàu thuyền đến, lịch trình của tàu thuyền, số lượng tàu thuyền đến để chủ động bố trí số lượng kiểm dịch viên y tế đảm bảo thực hiện các nội dung kiểm dịch y tế.

2. Quy trình thực hiện

2.1. Đối với tàu thuyền, hành khách nhập cảnh

Kiểm dịch viên y tế nhận giấy khai kiểm dịch y tế đối với tàu thuyền cập bến qua fax, email, telex và kiểm tra giấy này để biết hành trình của tàu thuyền, tình trạng sức khỏe của hành khách, của thủy thủ qua phương tiện liên lạc và xử lý như sau:

2.1.1. Đối với tàu thuyền chở khách, kiểm dịch viên y tế lên tàu thuyền với các trang thiết bị y tế cần thiết để kiểm tra y tế. Nếu phát hiện có người mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh phải kiểm dịch y tế (được gọi là bệnh nhân), có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, không đảm bảo vệ sinh chung, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sinh hoạt, nước dằn tàu thì kiểm dịch viên y tế thực hiện các nội dung sau:

a) Kiểm dịch viên y tế yêu cầu chủ phương tiện vận tải cho phương tiện vào khu vực kiểm dịch y tế, sau khi xử lý y tế theo quy định, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế và tiếp tục làm thủ tục nhập cảnh.

b) Kiểm dịch viên y tế chuyển bệnh nhân đến khu cách ly y tế quy định.

c) Kiểm dịch viên y tế lập danh sách có đầy đủ các thông tin chi tiết về tên, tuổi, quốc tịch, lịch trình, địa chỉ nơi đến, số điện thoại của người đi cùng tàu thuyền với bệnh nhân và yêu cầu hành khách chấp hành việc theo dõi, giám sát của y tế nơi đến.

d) Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới gửi danh sách trên về Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS.

2.1.2. Đối với các tàu thuyền khác đi từ vùng lưu hành hoặc đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế, tàu thuyền có dấu hiệu nghi ngờ có bệnh phải kiểm dịch y tế, có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, không đảm bảo vệ sinh, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sinh hoạt, nước dằn tàu thì thực hiện các nội dung như đối với tàu thuyền chở khách.

2.1.3. Đối với tàu thuyền không phải đi từ vùng lưu hành, vùng đang xảy ra các bệnh phải kiểm dịch y tế, không có các dấu hiệu nghi ngờ có bệnh phải kiểm dịch y tế, không có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, tàu thuyền đảm bảo vệ sinh chung, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sinh hoạt, nước dằn tàu, thì cơ quan kiểm dịch y tế không phải lên tàu kiểm tra y tế, mà tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế và tiếp tục làm thủ tục nhập cảnh.

2.2. Đối với tàu thuyền xuất cảnh

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra tờ khai kiểm dịch y tế đối với tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh. Nếu phát hiện có các dấu hiệu mắc bệnh kiểm dịch, có vật chủ, véc tơ của bệnh phải kiểm dịch y tế, kiểm dịch viên y tế tiến hành các biện pháp xử lý y tế theo quy định rồi mới cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế xuất cảnh.

2.3. Đối với tàu thuyền chuyên cảng

Cơ quan kiểm dịch y tế các cảng trung gian trong hành trình của tàu thuyền chỉ kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch y tế từ cảng đầu tiên để theo dõi, giám sát tàu thuyền trong thời gian neo đậu tại cảng. Cơ quan kiểm dịch y tế cảng cuối cùng căn cứ giấy chứng nhận kiểm dịch y tế của cảng đầu tiên và kết quả kiểm tra thực tế tàu thuyền đó để cấp giấy chứng nhận y tế xuất cảnh.

2.4. Đối với tàu thuyền quá cảnh

Cơ quan kiểm dịch y tế nắm thông tin về hành trình của tàu thuyền từ cảng vụ, nếu tàu thuyền quá cảnh Việt Nam thì không cần phải thực hiện các nội dung kiểm dịch y tế. Khi có tình huống bất thường về y tế thì cơ quan kiểm dịch y tế thực hiện các nội dung kiểm dịch như đối với tàu thuyền nhập, xuất cảnh.

3. Đối với thi hài, hài cốt, tro cốt

Quy trình kiểm dịch y tế được thực hiện theo quy định tại Mục III khoản 3 của bản Quy trình này.

VI. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT

Các sản phẩm đặc biệt bao gồm máu và các sản phẩm của máu, các mô, các bộ phận cơ thể của người, vi khuẩn y học, vi rút y học dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, nghiên cứu.

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra giấy khai kiểm dịch y tế, giấy kê khai hàng hóa nhập khẩu - xuất khẩu, giấy cho phép xuất, nhập khẩu sản phẩm đặc biệt do các Vụ/Cục chức năng của Bộ Y tế cấp và quy cách đóng gói, điều kiện bảo quản, số lượng, chủng loại để xác định và xử lý như sau:

1. Kiểm dịch viên y tế cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế khi sản phẩm đặc biệt xuất khẩu, nhập khẩu có đầy đủ tài liệu và đảm bảo điều kiện đóng gói, bảo quản như nêu trên.

2. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới xin ý kiến cơ quan chức năng để xử lý tùy theo trường hợp cụ thể khi sản phẩm đặc biệt xuất khẩu, nhập khẩu không có đầy đủ tài liệu quy định, không đảm bảo điều kiện bảo quản, không đúng số lượng và chủng loại cho phép như nêu trên.

VII. QUY TRÌNH GIÁM SÁT TẠI CÁC CỬA KHẨU ĐỐI VỚI NGƯỜI VÀ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, PHỤC VỤ HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP CẢNH VÀ XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Đối với người

Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới theo dõi sức khỏe của người thường xuyên qua lại biên giới, người bán hàng, chế biến thực phẩm phục vụ khách xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu:

1.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu bệnh nhân, người lành mang mầm bệnh tạm thời không làm việc tại cửa khẩu và áp dụng các biện pháp điều trị khi phát hiện người bị mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, người lành mang mầm bệnh truyền nhiễm gây dịch, sau khi điều trị khỏi mới tiếp tục làm việc.

1.2. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu người mắc bệnh truyền nhiễm, người lành mang mầm bệnh không điều trị khỏi chuyển công việc khác phù hợp.

2. Đối với cơ sở sản xuất và phục vụ

2.1. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sinh hoạt của các nhà hàng, khách sạn, cơ sở sản xuất chế biến, buôn bán, phục vụ nhân viên, hành khách xuất nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu, tùy theo tình hình cụ thể hay mức độ vi phạm có các biện pháp xử lý y tế theo quy định.

2.2. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới định kỳ hoặc đột xuất giám sát chuột, muỗi, bọ chét tại các cửa khẩu, kho hàng. Khi chuột, bọ chét, muỗi cao hơn mức quy định, yêu cầu cơ quan quản lý cửa khẩu xử lý theo yêu cầu của cơ quan kiểm dịch y tế.

2.3. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực

hiện đảm bảo vệ sinh khu vực cửa khẩu, nhà ga, sân bay, hải cảng. Kiểm tra, giám sát việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chất thải của khu vực cửa khẩu, của các phương tiện vận tải đảm bảo vệ sinh theo quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật./.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Trần Thị Trung Chiến

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 845/2004/QĐ-NHNN ngày 08/7/2004 về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam với Lào.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997